Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0302.72.10

Mã HS	0302.72.10
Mô tả hàng hóa	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá rô phi (Oreochromis spp.), cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.), cá chép (Cyprinus spp., Carassius spp., Ctenopharyngodon idellus, Hypophthalmichthys spp., Cirrhinus spp., Mylopharyngodon piceus, Catla catla, Labeo spp., Osteochilus hasselti, Leptobarbus hoeveni, Megalobrama spp.), cá chình (Anguilla spp.), cá rô sông Nile(Lates niloticus) và cá quả (cá chuối hoặc cá lóc) (Channa spp.), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0302.91 đến 0302.99: / - - Cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.): / - - - Cá tra đuôi vàng (Pangasius pangasius)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:19:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03027210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K329
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N329
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q329
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ329
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY, KR, TH)	0% (trừ MY, KR, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E322
ATIGA	2022	2022	0	AT!E323
ATIGA	2023	2023	0	AT!F323
ATIGA	2024	2024	0	AT!G323
ATIGA	2025	2025	0	AT!H323
ATIGA	2026	2026	0	AT!I323
ATIGA	2027	2027	0	AT!J323
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E325
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F325
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G325
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I325
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J325
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E323
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F323
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G323
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H323
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I323
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J323
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F323
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H322
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F325
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G325
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H325
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I325
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J325
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K325
VKFTA	2022	2022	0	VK!E323
VKFTA	2023	2023	0	VK!F323
VKFTA	2024	2024	0	VK!G323
VKFTA	2025	2025	0	VK!H323
VKFTA	2026	2026	0	VK!I323
VKFTA	2027	2027	0	VK!J323
VCFTA	2022	2022	4	VC!D324
VCFTA	2023	2023	2	VC!E324
VCFTA	2024	2024	0	VC!F324
VCFTA	2025	2025	0	VC!G324

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H324
VCFTA	2027	2027	0	VC!I324
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D325
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E325
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F325
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G325
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H325
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I325
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D24
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E24
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D324
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E324
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F324
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G324
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H324
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I324
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D322
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E322
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F322
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G322
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H322
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I322
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D324
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E324
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F324
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G324

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H324
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I324
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D324
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E324
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F324
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G324
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H324
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I324
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J324
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D323
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E323
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F323
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G323
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H323
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I323
RCEP B	2022	2022	18	B!D323
RCEP B	2023	2023	16	B!E323
RCEP B	2024	2024	14	B!F323
RCEP B	2025	2025	12	B!G323
RCEP B	2026	2026	10	B!H323
RCEP B	2027	2027	8	B!I323
RCEP C	2022	2022	18	C!D323
RCEP C	2023	2023	16	C!E323
RCEP C	2024	2024	14	C!F323
RCEP C	2025	2025	12	C!G323
RCEP C	2026	2026	10	C!H323

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I323
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D323
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E323
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F323
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G323
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H323
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I323
RCEP E	2022	2022	18	E!D323
RCEP E	2023	2023	16	E!E323
RCEP E	2024	2024	14	E!F323
RCEP E	2025	2025	12	E!G323
RCEP E	2026	2026	10	E!H323
RCEP E	2027	2027	8	E!I323
RCEP F	2022	2022	18	F!D323
RCEP F	2023	2023	16	F!E323
RCEP F	2024	2024	14	F!F323
RCEP F	2025	2025	12	F!G323
RCEP F	2026	2026	10	F!H323
RCEP F	2027	2027	8	F!I323
VIFTA	2024	2024	*	VI!F306
VIFTA	2025	2025	*	VI!G306
VIFTA	2026	2026	*	VI!H306
VIFTA	2027	2027	*	VI!I306

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0302.72 có 2 dòng thuế; dòng 0302.72.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cá tra đuôi vàng (Pangasius pangasius).	0302.72.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0302.72.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0302.72.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N329), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.